

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **130** /2022/HN-ST.
Ngày: 25/02/2025
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Tổng Văn Tư**.

+ Ông **Trần Văn Nhu**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Hiển** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 551/2021/TLST-HN, ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HN ngày 09 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Bùi Thế P**, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I/ Phần trình bày của Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày:

Chị với anh Bùi Thế P cưới nhau năm 1996, không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra xung đột bất hòa. Do anh P không chăm lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc, nợ nần bên ngoài và hay bạo hành gia đình chửi mắng chị. Nên anh chị đã ly thân từ đó đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Bùi Thị Tố U, sinh ngày 09/4/1997 và Bùi Thị Cẩm T, sinh ngày 03/12/2000 nay đã thành niên và hoạt động bình thường.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

II/ Phần trình bày của bị đơn anh Bùi Thế P:

Anh Bùi Thế P xác định việc cưới nhau, con chung như chị T trình bày là đúng. Anh chị cưới nhau năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn và có hai con chung đã thành niên như chị T khai. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý và còn thương vợ.

Do anh không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng dân sự:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Bùi Thế P, anh P có địa chỉ tại ấp A, xã B, huyện Cái Bè. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P cưới nhau năm 1996. Nhưng không có đăng ký kết hôn. Đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T khai là do tính tình không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra xung đột bất hòa. Do anh P không chăm lo làm ăn, hay cờ bạc, nợ nần bên ngoài và hay bạo hành gia đình chửi mắng chị. Nên anh chị đã ly thân từ tháng 5/2021 đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P. Nhận thấy chị T với anh P cưới nhau năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 35/2000/UBTVQH 10, ngày 09/6/2000 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Nên không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh P là quan hệ vợ chồng theo Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Bùi Thị Tố U, sinh ngày 09/4/1997 và Bùi Thị Cẩm T, sinh ngày 03/12/2000 nay đã thành niên và hoạt động bình thường. Do đó Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn anh P không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung. Do đó Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[3] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 9 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết 35/2000/UBTVQH 10, ngày 09/6/2000.
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Thanh T và anh Bùi Thế P là quan hệ vợ chồng theo Luật hôn nhân và gia đình.
2. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0001091, ngày 23/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.
3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị T, bị đơn anh P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

PHẠM THANH DŨNG